An Giang University Journal of Science – 2019, Vol. 22 (1), 52 – 58

Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang
ISSN 0866 - 8086

TÍNH BIỆN CHỨNG GIỮA CÁI CHUNG VÀ CÁI RIÊNG VÌ MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC TRONG TÁC PHẨM "LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN" (19/12/1946)

Ngô Thị Phương Thảo[1]
[1]*Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên*

Thông tin chung:
Ngày nhận bài: 18/07/2018
Ngày nhận kết quả bình duyệt: 20/09/2018
Ngày chấp nhận đăng: 02/2019

Title:
The dialectics between the general and the specific for the purpose of national independence in the work of "The call for national resistance."

Keywords:
Dialectical, the genneral and the specific, the call for national resistance

Từ khóa:
Biện chứng, cái chung và cái riêng, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến

ABSTRACT

Ho Chi Minh''s dialectical method is a harmonious combination of the general and the specific that expresses in the practice of revolutionary struggle leadership. "The call for national resistance" is the expression of his dialectic method as well as the will and the aspiration for "peace" of the people of Vietnam.

TÓM TẮT

Phương pháp biện chứng Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hòa của cái chung và cái riêng, được biểu hiện trong thực tiễn lãnh đạo đấu tranh cách mạng. "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" chính là sự thể hiện phương pháp biện chứng của Người, là ý chí và khát vọng "hòa bình" của nhân dân Việt Nam.

Phương pháp biện chứng Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hòa giữa cái chung và cái riêng trong cách mạng Việt Nam, được biểu hiện ở sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong đấu tranh cách mạng. Tác phẩm "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" chính là thể hiện phương pháp biện chứng của Người, là ý chí và khát vọng "hòa bình" của nhân dân Việt Nam.

1. PHƯƠNG PHÁP BIỆN CHỨNG HỒ CHÍ MINH

Phương pháp biện chứng là hạt nhân của phương pháp luận Hồ Chí Minh. Nó gắn liền với tư tưởng và phương pháp cách mạng của Người trong cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam ở hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Là một nhà hoạt động chính trị xuất sắc của cách mạng Việt Nam trong thế kỉ XX, Hồ Chí Minh luôn có những giải pháp chính trị khôn ngoan, phù hợp với từng điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể của cách mạng nhằm đem lại những thắng lợi quan trọng cho cuộc cách mạng ấy. Có thể thấy, đó là kết quả của một quá trình nhận thức sâu sắc những vấn đề của thực tiễn: từ các mối quan hệ đan xen, phức tạp về lợi ích đến những mâu thuẫn chính trị trong quá trình đấu tranh liên tục của nhân dân Việt Nam trước các thế lực thù địch cả trong và ngoài nước; đó là sự linh hoạt, nhạy bén

trong việc nắm vững các yếu tố "thời - thế - lực" với quan điểm thực tiễn và lấy lợi ích dân tộc là tối cao trước những biến cố khó lường của cách mạng Việt Nam trong những thời điểm khó khăn nhất.

Do đó, có thể thấy rằng, phương pháp biện chứng Hồ Chí Minh là quan điểm nắm vững và vận dụng quy luật cách mạng, diễn biến của lịch sử, của thời thế để có những phương pháp cách mạng cụ thể, với những nguyên tắc và chiến lược nhằm đảm bảo được sự thống nhất của đường lối cách mạng trong sự phát triển không ngừng của cách mạng, của kháng chiến.

Phương pháp biện chứng Hồ Chí Minh được thể hiện nổi bật trong giai đoạn cách mạng Việt Nam trong những năm 1945 – 1946. Nó được biểu hiện cả trong tư tưởng và phương pháp của Hồ Chí Minh khi tìm ra và vận dụng sáng tạo quy luật biện chứng mácxít vào trong thực tiễn cách mạng giải phóng dân tộc ở một quốc gia thuộc địa, nửa phong kiến; khi mà chính quyền dân chủ nhân dân mới được thành lập đã phải chiến đấu với nhiều thế lực ngoại xâm trên lãnh thổ và kéo theo đó là hàng loạt các mâu thuẫn lợi ích chính trị đan xen. Chủ tịch Hồ Chí Minh với một cảm quan văn hóa rộng lớn cùng tầm nhìn chính trị vượt trội đã chèo lái thành công con thuyền cách mạng của dân tộc vượt qua bao khó khăn, thử thách để bảo vệ lợi ích tối cao của dân tộc và khẳng định tính chính nghĩa, sức mạnh của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam; đặc biệt là sau khi cuộc chiến tranh thế giới thứ II vừa kết thúc và phong trào đấu tranh đòi trao trả độc lập của các nước thuộc địa đang dâng cao trên toàn thế giới.

Nhìn lại lịch sử, có thể thấy giai đoạn lịch sử 1945 – 1946 là giai đoạn cách mạng có ý nghĩa quan trọng trong quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam sau thắng lợi của cách mạng tháng Tám 1945 cùng với sự xác lập của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á. Khi chính quyền cách mạng mới được thành lập, xã hội Việt Nam giai đoạn này tồn tại các mối quan hệ giai cấp – xã hội mới. Điều này là tất yếu, bởi nó được xuất phát từ tình thế cách mạng trong và ngoài nước có sự thay đổi, chuyển động không ngừng; cùng với đó là sự dịch chuyển của các lực lượng cách mạng, sự đấu tranh của Chính phủ và nhân dân Việt Nam trên nhiều mặt trận mới; vì mục tiêu giữ gìn và củng cố nền hòa bình mà cách mạng vừa giành được. Song, với những mâu thuẫn và sự vận động nội tại có tác động trên nhiều mặt, nhiều phương diện của "cái mới" vừa được xác lập đã đặt ra những vấn đề trực tiếp cần phải giải quyết để mở đường cho sự phát triển của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

Trong một giai đoạn lịch sử đầy biến động với những mâu thuẫn mới nảy sinh thì lý luận cách mạng giữ một vai trò quan trọng để định hướng con thuyền cách mạng đi đúng quỹ đạo của nó. Văn kiện "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" là một tác phẩm lý luận quan trọng trong giai đoạn cách mạng 1945 – 1946. Tác phẩm chứa đựng những tư tưởng và phương pháp của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và là nền tảng cho đường lối cách mạng của Đảng ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954. Trong đó là một tầm nhìn của cả một dân tộc trong cuộc đấu tranh cách mạng mới. Mặt khác, khi xem xét tác phẩm lý luận này, ta tìm thấy được những nội dung trong phương pháp biện chứng của Hồ Chí Minh, mà nổi bật là tính biện chứng giữa cái chung và cái riêng. Đó là cơ sở phương pháp luận để nhận thức được những bài học lịch sử, những giá trị mà tư tưởng – phương pháp Hồ Chí Minh còn để lại cho cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

2. TÍNH BIỆN CHỨNG GIỮA CÁI CHUNG VÀ CÁI RIÊNG TRONG TÁC PHẨM "LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN"

Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng, giữa cái toàn thể và cái bộ phận là một trong những vấn đề cơ bản của thế giới quan và phép biện chứng mácxít. Khi giải quyết hài hòa những yếu tố trên sẽ tạo ra động lực

cho sự phát triển; trong đấu tranh cách mạng, nếu nắm vững và phân tích một cách hợp lý mối tương quan giữa cái chung và cái riêng, giữa mục tiêu cơ bản – lâu dài và mục tiêu cụ thể sẽ tạo ra những bước chuyển biến tích cực cho cách mạng bằng những phương pháp cách mạng cụ thể, đúng đắn và kịp thời. Hồ Chí Minh đã khẳng định rằng, "Phải hy sinh cái nhỏ cho cái lớn. Phải hy sinh cái riêng cho cái chung"; "Phải hy sinh cái riêng, cái nhỏ để phục vụ cái chung, cái to" (Hồ Chí Minh toàn tập, 2011, tập 4, tr. 534)

Bước sang năm 1946, khi tình hình cách mạng trong nước có những diễn biến mới, đặc biệt sau khi Chính phủ liên hiệp lâm thời được thành lập, đất nước đang bộn bề với các nhiệm vụ: tiếp tục phục hồi kinh tế sau nạn đói năm 1945, ổn định tình hình chính trị trong nước trước bối cảnh trên đất nước ta cùng lúc có cả quân đội Tưởng, quân Anh và thực dân Pháp. Mặt khác, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đang tích cực xây dựng đời sống mới cho nhân dân để quần chúng ngày một đoàn kết, tin tưởng vào đường lối cách mạng của Đảng và Chính phủ.

Sau Hiệp định sơ bộ (06/03/1946) và Tạm ước Việt – Pháp (14/09/1946), tình thế cách mạng có những diễn biến phức tạp theo chiều hướng bất lợi cho ta. Khi mọi cố gắng, nỗ lực của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh không ngăn được ngọn lửa của một cuộc chiến tranh mới đang âm ỉ cháy và có thể bùng phát bất cứ khi nào. Ngày 23/09/1945, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Nam Bộ sau những lần khiêu chiến có chủ đích với nền hòa bình mà nhân dân Việt Nam vừa giành được. Sự kiện này cũng đánh dấu một sự chuyển đổi về chất trong chiến lược thôn tính nước ta của thực dân Pháp. Khi mà ở nước Pháp, nhân dân Pháp tiến bộ đã bước đầu nhận ra Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia độc lập và trên hết họ mong muốn có một nền hòa bình thực sự. Nhưng giới cầm quyền Pháp và bọn thực dân không hề khoan nhượng, chúng tiếp tục có những kế hoạch chính trị - quân sự nham hiểm hòng phá hoại nền hòa bình và đánh chiếm Việt Nam thêm một lần nữa. Do đó, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta được dự báo trước là sẽ quyết liệt và khó khăn hơn gấp nhiều lần. Tuy nhiên, cuộc kháng chiến ấy một cách tự nhiên đã luôn mang trong nó những yếu tố quan trọng của chiến thắng, đó là: tính chính nghĩa trong cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam; lòng yêu chuộng hòa bình kết hợp với sự lên án của nhân dân Pháp đối với chính quyền trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

Với những xu hướng khác nhau trong quan điểm chiến lược của Pháp, Mỹ, Anh, Tưởng trong cuộc chiến tranh Đông Dương và cuộc đấu tranh đòi độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã nhìn ra được những mâu thuẫn về lợi ích kinh tế - chính trị của các thế lực trên và biến những trở lực đó thành xung lực thúc đẩy để đạt được các thỏa thuận có lợi cho cách mạng Việt Nam. Hiệp định sơ bộ và Tạm ước Việt Pháp đã mang lại sự chú ý của cộng đồng quốc tế, các lực lượng yêu chuộng hòa bình ở Pháp, Liên Hợp Quốc, Liên Xô và các dân tộc khác trên thế giới với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam.

Cái chung và cũng là quy luật đấu tranh của cuộc cách mạng ấy là độc lập, tự do, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc. Hồ Chí Minh khẳng định, "Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm! Kháng chiến thắng lợi muôn năm!" (Hồ Chí Minh toàn tập, 2011, tập 4, tr. 534). Đó là xung lực nội tại, là động lực to lớn của cách mạng và kháng chiến. Đó chính là phương pháp luận của Hồ Chí Minh trong nhận thức và lợi dụng mâu thuẫn giữa quân đội Pháp, quân Tưởng, Mỹ, Anh trong vấn đề Việt Nam để hạn chế tối đa những tổn thất mà cách mạng sẽ gặp phải. Ngoài ra, trong giai đoạn này, Chính phủ và Hồ Chí Minh phải đấu tranh với các thế lực phản động như: Việt Quốc, Việt Cách, bọn Tờrốtkit xuyên tạc, bóp méo sự thật về nguyên nhân chính quyền Việt Nam ký hai bản Hiệp định sơ bộ và Tạm ước Việt – Pháp và khẳng định độc lập, tự do cho nhân dân chính là lý do duy nhất đưa tới sự ra đời của hai văn kiện trên.

Việc Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố giải tán Đảng Cộng sản Đông Dương cũng là một sách lược chính trị khôn khéo, sáng tạo của nghệ thuật chính trị Hồ Chí Minh. Bởi hoàn cảnh lịch sử, tình thế cách mạng, tương quan lực lượng giữa ta và địch trong năm 1945 – 1946 là hết sức chênh lệch, không thuận lợi cho cách mạng của ta lúc bấy giờ. Đây là một quyết định đau đớn nhưng vô cùng cần thiết, sáng tạo cả trên phương diện lý luận và thực tiễn. Uy tín của một lãnh tụ chính trị đã cho phép Hồ Chí Minh thực hiện một giải pháp chính trị mang tính đột phá như trên.

Mặt khác, với tầm nhìn chính trị rộng lớn cộng với phương pháp biện chứng trong giải quyết mối quan hệ giữa đường lối và phương pháp cách mạng, Hồ Chí Minh đã thực hiện những bước đi khéo léo trên bàn đàm phán của Hội nghị Fontainebleau; bản Tạm ước Việt – Pháp là kết quả và là những cố gắng cuối cùng của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm mang lại những ưu thế tối đa cho cuộc kháng chiến mà ta biết rằng chắc chắn không thể tránh được. Từ những phân tích và nhận định trên, có thể khẳng định rằng, trước khi Chiến tranh Đông Dương nổ ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã tìm mọi cách để cứu vãn cho nền độc lập mà dân tộc Việt Nam mới giành được; hoặc chí ít cũng làm chậm lại thời gian của chiến tranh để Đảng, Chính phủ và nhân dân ta có sự chuẩn bị cho cuộc chiến ấy; nếu không ta cũng tìm được "thế" thuận lợi để bắt đầu cuộc kháng chiến.

Sau khi Hiệp định sơ bộ và Tạm ước Việt Pháp được ký kết, quân Tưởng Giới Thạch đã phải theo các điều ước rút về nước. Nhưng phía Pháp kiên quyết gây chiến, liên tiếp gây ra các cuộc thảm sát ở Hải Phòng và Hà Nội; hơn nữa, sau đó Pháp còn đòi tước vũ khí của Việt Minh. Nhân dân Việt Nam không thể chịu đựng hơn nữa. Cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập dân tộc chính thức bùng nổ.

Trước cuộc kháng chiến toàn quốc mới bùng nổ, chiến lược và giải pháp mà Hồ Chí Minh đưa ra được đúc kết mạnh mẽ trong "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến". Đó là nêu cao tinh thần đoàn kết của toàn thể nhân dân. Người viết: "Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu Tổ quốc" (Hồ Chí Minh toàn tập, 2011, tập 4, tr. 534). Có thể thấy, tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh đã trở thành lời hiệu triệu mạnh mẽ, thôi thúc nhân dân Việt Nam đứng lên đánh thực dân Pháp để bảo vệ cho nền độc lập dân tộc của ta. Do đó, đoàn kết đã trở thành một phương pháp cách mạng, là phương thức tập hợp, huy động lực lượng để đoàn kết tất cả các giai tầng trong xã hội, tất cả các dân tộc để hướng đến cái chung là độc lập dân tộc và khát vọng hòa bình chân chính của nhân dân Việt Nam.

Hồ Chí Minh là một nhà chính trị hành động vì Người luôn xuất phát từ quan điểm thực tiễn, quan điểm cách mạng để tìm ra những mâu thuẫn đan xen trong đời sống xã hội Việt Nam để giải phóng, cải tạo và xây dựng xã hội ấy ngày một tốt đẹp hơn. Người làm điều đó bằng phương pháp thực hành, mà trong đó thực hành đại đoàn kết là quan trọng nhất nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp, sức mạnh nội sinh to lớn giúp cách mạng Việt Nam có thể đấu tranh với kẻ thù trong những tình huống hiểm nguy nhất. Do vậy, độc lập dân tộc, khát vọng hòa bình là cái chung, phương pháp cách mạng là cái riêng; cái riêng phải phục vụ cho cái chung, lấy cái chung làm mẫu số, làm hệ quy chiếu, là quy luật tiến hành cách mạng; cái chung ra đời trên cơ sở cái riêng, cái chung được cái riêng thúc đẩy, hỗ trợ, vì vậy cái chung phải không ngừng bổ sung để phát triển và hoàn thiện. Đó là quy luật và tính quy luật của tư tưởng và phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh: độc lập dân tộc cần phải gắn với phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo. Đây là cơ sở cho đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng ta: toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính.

Trong tác phẩm "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến", Hồ Chí Minh đã nêu lên mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng của cách mạng trong thời khắc lịch sử của cuộc chiến: "Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước. Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!" (Hồ Chí Minh toàn tập, 2011, tập 4, tr. 534). Trước cuộc kháng chiến ấy, Người khẳng định: "Giữa lợi ích riêng và lợi ích chung phải chọn lấy một. Mà phải chọn cái ích chung" (Hồ Chí Minh toàn tập, 2011, tập 8, tr. 100). Tư tưởng và phương pháp đại đoàn kết của Người một lần nữa được thể hiện nổi bật trong văn kiện "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến". Hồ Chí Minh với tư cách là chủ thể chính trị, Người không bao giờ chủ quan, đứng ngoài đời sống chính trị của đất nước và giáo điều trong nhận thức các mối quan hệ chính trị và tương quan lực lượng chính trị trên thế giới. Chiến tranh thế giới thứ II kết thúc với thắng lợi thuộc về quân Đồng Minh và nước Nga Xô Viết đã mở ra những dấu hiệu tích cực cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc cho tất cả các nước trên thế giới, đặc biệt là cho các dân tộc thuộc địa khi mà thế lực của đế quốc, thực dân đã bị hao mòn nhiều sau cuộc chiến tranh ấy. Ngay sau đó, hàng loạt các quốc gia và vùng lãnh thổ đã tuyên bố độc lập; phong trào đấu tranh của các lực lượng yêu chuộng hòa bình và dân chủ trên thế giới cũng ngày một dâng cao. Hiểu rõ xu thế ấy, Hồ Chí Minh đã không ngừng mở rộng và xây dựng khối đại đoàn kết của cách mạng Việt Nam với cách mạng các nước khác trên thế giới, đặc biệt là với nhân dân Pháp; trên cơ sở đó xây dựng nên bốn tầng mặt trận: mặt trận đại đoàn kết dân tộc; mặt trận đoàn kết Việt – Miên – Lào; mặt trận nhân dân Á – Phi đoàn kết với Việt Nam; mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược nhằm tạo nên sức mạnh to lớn chiến thắng kẻ thù.

Phương pháp đại đoàn kết Hồ Chí Minh đã thể hiện một thế giới quan sâu sắc của Người trong nhận thức lịch sử và hoàn cảnh đất nước trong những năm 1945 – 1946. Như một học giả người Đức – Bécna Đam đã nhận xét ngắn gọn về Người: "Trong hoạt động cách mạng,… bao giờ Hồ Chí Minh cũng có một nhận thức sâu sắc về thời gian và thời cơ" (Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, 1990, tr. 59). Và đoàn kết chính là một sợi dây kết nối sức mạnh của thời gian và thời cơ cho cách mạng trong những lúc hiểm nguy nhất. Đó cũng là đặc điểm nổi bật của phương pháp biện chứng Hồ Chí Minh trong giai đoạn cách mạng gay go và quyết liệt này.

Tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh là tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tư tưởng ấy được xuất phát từ thực tiễn và thấm nhuần phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin. Vì vậy, trong tư duy và hành động cách mạng, Người luôn chú trọng cách làm việc biện chứng để tìm ra những giải pháp chính trị kịp thời, đúng đắn cho từng bước chuyển quan trọng của cách mạng, đặc biệt là từ sau khi ta giành được chính quyền năm 1945. Có thể thấy rằng, bằng những hành động chính trị cụ thể đã được lịch sử chứng minh, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có từng bước đi khôn ngoan, chính xác, mau lẹ để mang lại những ưu thế chính trị, quân sự cho cách mạng nước nhà trong những năm 1945 – 1946. Đó cũng là minh chứng sinh động cho phương pháp biện chứng của Hồ Chí Minh trong xử lý mối quan hệ giữa "cái chung" và "cái riêng" và là mẫu mực cho sách lược Lêninnít chân chính và cách mệnh của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Học giả Pino Tagơlia dúcchi Perugia đã có nhận xét về Hồ Chí Minh như sau: "Ở Hồ Chí Minh, lý luận không bao giờ trừu tượng, nó luôn là một cách nhìn sâu sắc và cụ thể những con người và những vấn đề. Là một nhà chính trị tầm cỡ, Người có khả năng phân biệt được cái gì có tính chất sống còn bắt buộc phải chiến đấu và cái gì có thể đàm phán, dù là đau đớn. Điều đó đã tạo thành năng lực đứng vững trên đường lối chính trị, đồng thời chuyển động giữa những cản trở cực kì to lớn" (Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, 1990, tr. 125 - 126). Trong bài toán lịch sử những năm 1945 - 1946, mẫu số chung cho đất nước lúc

bấy giờ là độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, là hòa bình, ổn định. Đó là mục tiêu bất biến của cách mạng Việt Nam. Mở đầu, "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến", Người đã khẳng định: "Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa! Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ (Hồ Chí Minh toàn tập, 2011, tập 4, tr. 534). Có thể khẳng định đây là mâu thuẫn chính trị chủ yếu trong giai đoạn này. Ngoài ra, phương pháp biện chứng của Hồ Chí Minh còn được thể hiện ở việc Người luôn nhận thức được các mối quan hệ đan xen phức tạp trong xã hội mới giữa các giai cấp, tầng lớp; giữa các thế lực âm mưu chống phá cách mạng cả trong lẫn ngoài để đưa ra phương pháp đại đoàn kết phù hợp nhất, từ đó mang lại sức mạnh tổng hợp to lớn cho cách mạng.

Giữa một xã hội cũ đang lùi dần và một xã hội mới đang hình thành, các mâu thuẫn, các mối quan hệ giai cấp – xã hội cũng vì thế mà hết sức phức tạp. Những mâu thuẫn chung và mâu thuẫn riêng, lợi ích chung và lợi ích riêng đang tồn tại, luân chuyển và biến đổi trong xã hội ấy, Hồ Chí Minh bằng tư tưởng và nhân cách văn hóa của mình đã hướng cuộc cách mạng của xã hội ấy đến mục tiêu chung là: độc lập dân tộc, hòa bình và thống nhất cho đất nước. Trong văn kiện "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến", Người đã nêu cao được khát vọng, lý tưởng hòa bình, độc lập của dân tộc ta. Đồng thời, Hồ Chí Minh bằng lời hiệu triệu hùng hồn: "Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ" đã xây dựng lên một bức tường đại đoàn kết vững chắc để chống lại mọi âm mưu, thế lực của bọn thực dân, đế quốc đang nhăm nhe phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Bài học về việc vận dụng "thế - thời – lực" trong những năm 1945 – 1946 là biểu hiện rõ ràng cho tư tưởng và phương pháp biện chứng của Hồ Chí Minh trong giai đoạn cách mạng cam go nhưng cũng đầy vẻ vang này.

Văn kiện "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" là một trong những hợp phần đúc kết lên đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng và nhân dân ta. Lịch sử dân tộc đã chứng minh những giá trị tư tưởng to lớn của tác phẩm này. Tác phẩm đã một lần nữa thức tỉnh đồng bào, nêu cao lý tưởng, khát vọng hòa bình chính đáng của dân tộc Việt Nam. Nó là lời hiệu triệu, thôi thúc mạnh mẽ quần chúng đứng lên cùng Đảng và quân đội ta chiến đấu để chiến thắng mọi kẻ thù mưu mô và hung hãn nhất với dã tâm chống phá nền độc lập và thống nhất của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bằng ngòi bút của mình, Hồ Chí Minh đã kết tinh được sức mạnh của cả một dân tộc luôn đoàn kết một lòng, dù phải gian khổ hy sinh đến giọt máu cuối cùng cũng phải bảo vệ cho bằng được độc lập dân tộc và tạo tiền đề cho kháng chiến đi đến thắng lợi cuối cùng.

Phương pháp biện chứng của Hồ Chí Minh được thể hiện nổi bật trong tác phẩm lịch sử này. Đó là, phép biện chứng trong giải quyết mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng trong cách mạng. Có thể khẳng định, phương pháp biện chứng Hồ Chí Minh là thế giới quan duy vật biện chứng của Người trong nhận thức và hoạt động thực tiễn cách mạng với quan điểm nhân dân và lợi ích dân tộc làm nền tảng. Vậy, phương pháp biện chứng Hồ Chí Minh không thể tách rời với tư tưởng biện chứng của Người. Phép biện chứng ấy là các giải pháp chính trị mang tính đổi mới, luôn vận động để phù hợp với từng bước phát triển của cách mạng Việt Nam; phép biện chứng ấy là kết quả của quá trình nhận thức quy luật và tính quy luật của xã hội Việt Nam, ở việc nắm bắt và giải quyết các mâu thuẫn của xã hội ấy bằng những biện pháp cụ thể, sát hợp với hoàn cảnh thực tế và thực lực của cách mạng nhằm hướng tới thực hiện mục tiêu: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Phép biện chứng ấy chính là phương pháp luận của cách mạng Việt Nam trong cả quá khứ, hiện tại và tương lai.

Trong quá trình đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay, những giá trị và bài học của văn kiện "Lời kêu gọi toàn quốc

kháng chiến" luôn cần được tôn trọng và áp dụng để giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và ổn định chính trị. Đặc biệt, nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia, bảo vệ sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc trong mối tương quan về lợi ích địa – chính trị của các nước có liên quan như Trung Quốc, Việt Nam, Philippines, Nhật Bản, Mỹ.... cần hết sức được chú trọng và giải quyết một cách khéo léo trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc lợi ích dân tộc và bảo vệ sự thống nhất chủ quyền quốc gia. Hơn nữa, Đảng Cộng sản Việt Nam cần nhận thức và vận dụng đúng đắn, sáng tạo phương pháp luận đại đoàn kết Hồ Chí Minh trong cuộc đấu tranh mới mẻ và nhiều thử thách này.

Mặt khác, trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phương pháp biện chứng Hồ Chí Minh cần được nhìn nhận cụ thể hóa và xây dựng thành lề lối làm việc, tác phong công tác cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Mỗi cán bộ, đảng viên cần học từ Chủ tịch Hồ Chí Minh cách tư duy, làm việc biện chứng, luôn đặt lợi ích của nhân dân, của dân tộc lên trên; lấy việc phục vụ Tổ quốc và nhân dân làm nguyên tắc và phương châm sống cho mình. Đảng Cộng sản Việt Nam cần lấy việc củng cố và xây dựng niềm tin của nhân dân với Đảng và cách mạng làm nền tảng cho quá trình phát triển lực lượng sản xuất, ổn định chính trị; góp phần vào giải quyết những mâu thuẫn trên con đường phát triển, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có như vậy, sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta mới tìm ra được phương thức đoàn kết, sáng tạo mới để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; để giá trị của Độc lập – Tự do – Hạnh phúc luôn soi sáng cho con đường phát triển của dân tộc ta.

3. KẾT LUẬN

"Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh tuy ngắn gọn nhưng đã thể hiện sâu sắc phương pháp biện chứng của Người hướng đến mục tiêu: Việt Nam độc lập và thống nhất. Nó như tiếng kèn xung trận, có sức cổ vũ, động viên và tổ chức lực lượng kháng chiến vô cùng mạnh mẽ trong giờ phút Tổ quốc lâm nguy, trở thành hiệu lệnh làm sục sôi khí thế đấu tranh với một ý chí "quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh". Mặc dù đã ra đời cách đây hơn 70 năm nhưng những tư tưởng, phương pháp của Hồ Chí Minh chứa đựng trong đó vẫn còn nguyên ý nghĩa lịch sử với dân tộc nhằm khơi dậy, tập hợp và phát huy sức mạnh toàn dân, giữ vững độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Lê Thế Lạng. (2009). Tư tưởng Hồ Chí Minh trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (19/12/1946). *Tạp Chí Lịch sử Đảng, Số 11*, tr. 19 - 21.

Hồ Chí Minh toàn tập. (2011). *Tập 4*. Hà Nội. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

Hồ Chí Minh toàn tập. (2011). *Tập 8*. Hà Nội. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh (trích tham luận của đại biểu quốc tế). (1990). Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

Hoàng Chí Bảo, Trần Thị Minh Tuyết. (2016). *5 tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh – 5 bảo vật quốc gia*. Hà Nội: Nhà xuất bản Lý luận Chính trị.

Nguyễn Đình Bắc. (Ngày 19 tháng 12 năm 2016). "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" - Biểu tượng mẫu mực về nghệ thuật phát huy sức mạnh toàn dân. *Tạp chí Cộng sản điện tử*. Truy cập từ http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/NghiencuuTraodoi/2016/42593/Loi-keu-goi-toan-quoc-khang-chien-Bieu-tuong-mau-muc.aspx.